

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2022
Về tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Nam

Ông Trịnh Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 213/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1973; Địa chỉ: 172 NPN, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm: 1975; Địa chỉ: 172 NPN, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và Ông Nguyễn Thanh C kết hôn năm 1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phô, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam (theo giấy chứng nhận kết hôn số 125, ngày 19 tháng 7 năm 1999), hôn nhân trên sự tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng vào lập nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh, trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C không lo làm ăn, ham chơi, ăn nhậu, cờ bạc nợ nần về nhà chửi bới, nhục mạ đánh đập bà N một cách toàn nhẫn, mâu thuẫn kéo dài suốt 18 năm, đến năm 2017 do nợ nần chồng chất phải bán nhà trả nợ cho

ông C rồi về Đà Nẵng sinh sống, hy vọng vì gia đình vợ con ông C thay đổi tính tình, nhưng từ khi về Đà Nẵng sinh sống đến nay ông C vẫn không thay đổi, tiếp tục tái diễn ngày càng nặng hơn, rượu chè, cờ bạc, nợ nần chồng chất, tài sản trong gia đình có cái gì ông C đem đi cầm cố, bán sạch, mỗi khi say rượu về chửi bới sử dụng vũ lực đánh đập vợ con. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N xác nhận, bà và ông C có 02 con chung là Trần Thanh Anh Mỹ, sinh năm 2000 và Trần Bảo Thy sinh ngày 12/01/2009, ly hôn bà N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Trần Bảo Thy, yêu cầu ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con mỗi tháng 2 triệu đồng. Đối với con chung Trần Thanh Anh Mỹ đã trưởng thành, phát triển đầy đủ thể chất và tinh thần, tự khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tranh tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa, căn cứ Điều 227 của BLTTDS đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của Bà Nguyễn Thị N và Ông Nguyễn Thanh C đã trầm trọng đã kéo dài gần 20 năm nay, xét yêu cầu xin được ly hôn của bà N đối với ông C là có căn cứ, phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N. Về con chung, xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cháu Trần Bảo Thy, sinh ngày 12/01/2022 của bà N phù hợp với nguyện vọng của cháu Thy. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp ly hôn đối với Ông Nguyễn Thanh C có nơi cư trú: phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ngày 07/7/2022 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung: Tại phiên tòa, Bà Nguyễn Thị N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài hơn 20 năm nay, nguyên nhân do ông C không có trách nhiệm với gia đình, ăn chơi, rượu chè, cờ bạc không tu chí làm ăn, bỏ bê gia đình, đi làm về không đưa tiền cho vợ dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với

ông C. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tại phiên tòa thể hiện: Hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thanh C là hợp pháp. Theo bà N trình bày, sau khi kết hôn, năm 1999 vợ chồng vào thành phố Hồ Chí Minh lập nghiệp, trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C ham chơi, ăn nhậu, cờ bạc nợ nần về nhà chửi bới, nhục mạ đánh đập bà N một cách tàn nhẫn, mâu thuẫn kéo dài suốt 18 năm, đến năm 2017 do nợ nần phải bán nhà trả nợ cho ông C về Đà Nẵng sinh sống. Từ khi về Đà Nẵng sinh sống cho đến nay, ông C vẫn không thay đổi tính tình tiếp tục tái diễn ngày càng nặng hơn, rượu chè, cờ bạc, nợ nần chồng chất, tài sản trong gia đình có cái gì ông C đem đi cầm cố, bán sạch, mỗi khi say rượu về chửi bới sử dụng vũ lực đánh đập vợ con. Qua xác minh tại địa phương nơi vợ chồng bà N ông C sinh sống thể hiện, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã được tổ dân phố và hội phụ nữ đã đến động viên hòa giải. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông C vẫn không đến và cũng không có phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà N điều đó chứng minh mâu thuẫn của vợ chồng như bà N trình bày là có thật. Hội đồng xét xử xét thấy, trong cuộc sống chung vợ chồng ông C đã có hành vi vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Bà Nguyễn Thị N đối với Ông Nguyễn Thanh C.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị N xác nhận, bà và ông C có 02 con chung là Trần Thanh Anh Mỹ, sinh năm 2000 và Trần Bảo Thy sinh ngày 12/01/2009, ly hôn bà N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Trần Bảo Thy, yêu cầu ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con mỗi tháng 2 triệu đồng. Đối với con chung Trần Thanh Anh Mỹ đã trưởng thành, phát triển đầy đủ thể chất và tinh thần, tự khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập giải quyết. Hội đồng xét xử thấy, việc nuôi dạy con cái là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này, trong quá trình tranh tụng và tại phiên tòa hôm nay, ông C đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, điều đó thể hiện nguyện vọng được nuôi con của ông C là không có. Xét yêu cầu được nuôi con của bà N cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thy và phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 58 và khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình) nên HĐXX chấp nhận. Đối với yêu cầu cấp dưỡng phí tổn nuôi con sau khi ly hôn mỗi tháng 2 triệu đồng của bà N là phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận, buộc ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Đối với con chung Trần Thanh Anh Mỹ đã trưởng thành không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động hoặc không có tài sản tự nuôi mình theo quy định của pháp luật, việc bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Do đương sự không có yêu cầu giải quyết trong vụ án nên không đề cập.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, Ông Nguyễn Thanh C phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 và 58 của Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với Ông Nguyễn Thanh C.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Bảo Thy, sinh ngày 12/01/2009. Ông Nguyễn Thanh C có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con sau khi ly hôn mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi trưởng thành, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2022.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người bị thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Khi ly hôn cha, mẹ bên không trực tiếp nuôi con và bên trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí tranh chấp ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số: 0002852 ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bà N đã nộp xong. Ông Nguyễn Thanh C phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình về cấp dưỡng nuôi con.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- UBND phường Cẩm Phô, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Vũ